

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12-4-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trung Thành
Ông Nguyễn Viết Xứng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 328/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/03/2024, giữa:

*Nguyên đơn: **Đình Thị Thúy N**, sinh năm 1980; Trú tại: **Đ, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.**

*Bị đơn: **Vòng Nam H**, sinh năm 1977; Trú tại: **Đ, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.**

(Các đương sự xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đình Thị Thúy N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị **Đình Thị Thúy N** và anh **Vòng Nam H** chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước** vào năm 2006. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông chia sẻ, tôn trọng nhau trong công việc làm ăn cũng như cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường hay cãi nhau, lâu dần dẫn đến không còn tình cảm. Nay, chị **N** xác định tình cảm giành cho anh **H** đã thực sự hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh **Vòng Nam H**.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, chị **N** và anh **H** có 02 con chung là cháu **Vòng Thảo N1**, sinh ngày 04/01/2007 và cháu **Vòng Thảo H1**,

sinh ngày 04/10/2012. Khi ly hôn, chị **N** có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con và không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị **N** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai, bị đơn anh **Vòng Nam H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh **Vòng Nam H** và chị **Đinh Thị Thúy N** kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước** vào năm 2006.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống chỉ phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ, thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau. Nay, anh **H** xác định tình cảm giành cho chị **N** vẫn còn nhưng trước yêu cầu cương quyết ly hôn của chị **N** thì anh **H** cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, chị **N** và anh **H** có 02 con chung là cháu **Vòng Thảo N1**, sinh ngày 04/01/2007 và cháu **Vòng Thảo H1**, sinh ngày 04/10/2012. Khi ly hôn, anh **H** đồng ý giao 02 con chung cho chị **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh **H** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (TTDS); bị đơn không thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của chị **Đinh Thị Thúy N** và anh **Vòng Nam H**. Giao con chung là cháu **Vòng Thảo N1**, sinh ngày 04/01/2007 và cháu **Vòng Thảo H1**, sinh ngày 04/10/2012 cho chị **Đinh Thị Thúy N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị **Đinh Thị Thúy N** yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con với bị đơn anh **Vòng Nam H**; các vấn đề khác tự thỏa thuận nên không yêu cầu. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Do bị đơn là anh **Vòng N2 H** cư trú tại **ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước**; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa

vụ án ra xét xử cho nguyên đơn chị **Đinh Thị Thúy N** và anh **Vòng Nam H** nhưng cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét cần áp dụng Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị **N** và anh **H** là phù hợp.

3. Yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đinh Thị Thúy N** và anh **Vòng Nam H** chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn **UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước** (số đăng ký kết hôn 34, quyển số 01, ngày 07/4/2006). Xét đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với nhau trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế dẫn đến cãi nhau, chị **N** và anh **H** không tìm được cách giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống hôn nhân nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, sống không có hạnh phúc. Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải tạo điều kiện để hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh **H** không đến Tòa án, điều này chứng tỏ anh **H** cũng không có thiện chí cùng chị **N** đoàn tụ gia đình, mặt khác tại bản tự khai anh **H** cũng thể hiện ý trí là đồng ý ly hôn với chị **N**. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **N** và anh **H** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị **Đinh Thị Thúy N** được ly hôn với anh **Vòng Nam H** là phù hợp.

Về con chung: Chị **N** và anh **H** có 02 con chung là cháu **Vòng Thảo N1**, sinh ngày 04/01/2007 và cháu **Vòng Thảo H1**, sinh ngày 04/10/2012. Chị **N** có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con; anh **H** cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Xét đây là ý chí tự nguyện của chị **N** và anh **H** nên cần ghi nhận, mặt khác cháu **N1** và cháu **H1** là con gái và đang còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do vậy, cần áp dụng các điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu **Vòng Thảo N1** và cháu **V** Thảo Hiền cho chị **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị **N** và anh **H** thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.
Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Tuyên xử cho chị **Đinh Thị Thúy N** được ly hôn với anh **Vòng Nam H**.

2. *Về con chung*: Giao con chung là cháu **Vòng Thảo N1**, sinh ngày 04/01/2007 và cháu **Vòng Thảo H1**, sinh ngày 04/10/2012 cho chị **Đinh Thị Thúy N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong thời gian nuôi con, các bên có quyền đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết việc cấp dưỡng hoặc việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác*: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị **Đinh Thị Thúy N** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019681 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện KSND huyện Đồng Phú;
- Chi cục THADS huyện Đồng Phú;
- UBND phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương